



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 01&02/2026

(30/12/2025 – 12/01/2026)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Nếu hi vọng rằng năm 2026 sẽ ít biến động hơn 2025, có lẽ những ngày đầu năm vừa qua sẽ làm chúng ta thất vọng. Tổng thống Mỹ Donald Trump tiếp tục “khuấy động” thế giới bằng những “hành vi bá quyền”: triển khai chiến dịch “Quyết tâm Tuyệt đối” bắt giữ tổng thống đương nhiệm Venezuela Maduro và vợ mình, đồng thời đưa ra nhiều phát ngôn đề cập đến tài nguyên thiên nhiên của quốc gia này (cụ thể là dầu mỏ); trong khi đó nhu cầu dầu mỏ Venezuela của Trung Quốc vẫn còn đó và quốc gia tỷ dân sẽ có đối sách ra sao khi nguồn cung ngày càng bị siết chặt? Có lẽ sự kiện chấn động ở Caracas Venezuela vừa qua sẽ là chất xúc tác để điều chỉnh lại dòng chảy thương mại, đặc biệt là thị trường tàu dầu nhiều năm qua; Mỹ tiếp đà thắng lợi bằng cách bất ngờ tuyên bố chủ quyền đối với Greenland và đe dọa sát nhập vùng lãnh thổ này bằng mọi giá, bất chấp sự phản đối từ đồng minh Đan Mạch và Châu Âu. Sự bất nhất của Nhà Trắng khiến các quốc gia khác quan ngại vấn nạn “cá lớn nuốt cá bé” và liệu sự hiện hữu của các tổ chức như Liên Hợp Quốc (WHO) hay NATO lúc này còn ý nghĩa gì? Bức tranh tương lai dường như ngày càng khó nắm bắt.

Ở mảng tàu hàng khô, thị trường vận tải biển “đổ rục” từ đầu tháng 12, xuyên suốt kỳ lễ Giáng Sinh và Tết Dương lịch đến tận thời điểm báo cáo. Ngay trước thềm lễ Giáng sinh 24/12/2025 đến nay, chỉ số BDI đã giảm 218 điểm (↓11,6%) từ 1.877 điểm còn 1.659 điểm. Tổng quan các chỉ số thuê tàu biến động như sau (so sánh theo mốc ngày 24/12/2025): Capesize giảm 745 điểm (↓22,4%) xuống còn 2.574 điểm. Riêng Panamax tuần qua đã tăng nhẹ trở lại, tích lũy được 73 điểm (↑5,7%) lên 1.340 điểm. Supramax giảm 184 điểm (↓16,1%) còn 960 điểm, Handysize cũng giảm 120 điểm (↓16,7%) còn 599 điểm. Dẫu vậy, đối với mảng mua bán tàu, thì giá tàu vẫn chưa giảm tương xứng. Các chủ tàu vẫn lạc quan về những tiềm năng và thị trường rồi sẽ sôi động trở lại, do đó Người mua đang theo dõi thêm diễn biến. Ở phân khúc Supramax, ghi nhận chủ tàu Thái Lan chốt tàu **Wariya Naree** (53.833 dwt, đóng 2011 Ấn Độ) với giá khoảng 9,85 triệu đô la Mỹ. Mức này được xem là rẻ nhất thị trường hiện nay do cận hạn đã DD/SS 2/2026 và máy chính Wartsila. Ở phân khúc Handysize, chủ tàu Hà Lan bán tàu **Bulker Bee 30** (34.904 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc) với giá khoảng 11,3 triệu đô la Mỹ. Tàu trên vừa qua đã đặc biệt tháng 10/2025 nên có giá mềm nhất trong dòng tàu tương tự đóng Hàn Quốc hiện nay. Tàu khác trẻ hơn là **Sepetiba Bay** (35.036 dwt, đóng 2012, DD/SS 6/2027) được chốt với giá khoảng 11,5 triệu đô la Mỹ - mức này hơi cao do tàu được đóng tại xưởng Samjin đặt tại Trung Quốc. Nếu là tàu đóng thuần xưởng Trung Quốc như **Ioanna D** (34.816 dwt, đóng 2012 Trung Quốc, DD/SS 06/2027) bán cuối tháng 12/2025 ở mức khoảng 10,5 triệu đô la Mỹ. Trước đó, tàu già **Bass Strait** (33.520 dwt, đóng 2006 Nhật, chở được gỗ) được chủ tàu Pacific Basin hoàn tất chuyển nhượng cho Người mua nội địa với giá khoảng 8,6 triệu đô la Mỹ - mức này khá cao dù tàu sắp lên đã đặc biệt DD/SS 3/2026.

Ngược lại, ở mảng tàu dầu/hoá chất, thị trường nhanh chóng được hưởng lợi thể nhờ biến động địa chính trị. Cuộc thuê tàu ở các phân khúc như VLCC, Aframax, LR2 đều hăng hái nhích thêm chút nữa. Trước thềm Lễ

giáng sinh, chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) giảm nhẹ liên tục nhưng đã tăng trở lại trong tuần qua, tổng tích lũy 28 điểm (↑2,1%) lên 1.347 điểm. Chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) cũng trời sụt liên tục trong suốt kỳ lễ dài, nay tăng nhẹ trở lại thêm 20 điểm (↑2,6%) lên 777 điểm. Các giao dịch mua bán tàu được báo cáo khá nhộn nhịp, mang theo sự lạc quan và hy vọng về năm 2026. Đường như khi mọi người nghỉ lễ thì công ty Hàn Quốc Sinokor Maritime đã tranh thủ “mua sắm” và bỏ túi thêm ít nhất hai mươi tàu VLCC từ các chủ tàu như Frontline, Dynacom, International Seaways, CMB Tech, Kyklades Maritime, TMS Tankers... Kế hoạch này được thực hiện kín đáo và riêng rẽ từng chủ tàu, cố gắng tránh việc bị đẩy giá cao hơn nữa. Dầu vậy, với thời gian thu tóm kỷ lục thì trên thực tế giá những tàu mà Sinokor Maritime vừa mua hầu hết đều thiết lập các mốc tham chiếu mới đối với các tàu VLCC già, vốn kém thanh khoản, đặc biệt những tàu trang bị lắp máy lọc khí (scrubber) giá tăng khoảng 8% so với mặt bằng chung. Ngoài ra, Sinokor Maritime cũng được cho là đã thuê một loạt tàu VLCC từ 1-3 năm, gia hạn các hợp đồng hiện có và đẩy số tàu đang thuê lên hơn 40 tàu. Nếu tính cả số tàu hiện có, tàu vừa mua và tàu thuê thì Sinokor đang nắm trong tay hơn 100 tàu. Đây là một phần trong kế hoạch hợp tác dài hạn giữa Sinokor Maritime và Trafigura đầy tham vọng để giành lấy 12% thị phần VLCC. Quay về phân khúc MR, chủ tàu Hy Lạp bán thành công tàu chemical **Doric Pioneer** (51.565 dwt, đóng 2013 Hàn Quốc, DD 01/2026, SS 01/2028) với giá khoảng 29,5 triệu đô la Mỹ. Mức này hơi mềm song tương đối hợp lý do tàu cần sớm lên đà trung gian. Cặp tàu chemical trẻ **Maritime Tranquility** và **Maritime Comity** (~50.000 dwt, đóng 2020 Trung Quốc, đã lắp máy lọc khí, hầm hàng sơn phủ zinc silicate, DD 10/02028, SS 08-10/2030) về tay Người mua Hy Lạp với giá khoảng 39,8 triệu đô la Mỹ. Tuần trước, chủ tàu Nhật mời chào giá tàu chemical **Pigeon Point** (48.356 dwt, đóng 2005 Nhật, hầm hàng sơn phủ zinc silicate, DD 09/2026, SS 09/2028,) tuần trước, nay ghi nhận Người mua Trung Quốc đã trả giá khoảng 13,8 triệu đô la Mỹ. Mức này khá cao và sẽ được xem là mốc tham chiếu cho dòng tàu tương tự 20 tuổi đóng Nhật.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Nord Palladium	2021	Korea	209,523	76.20	Chinese	Scrubber fitted, DD/SS due 04/2026
Mineral Honshu	2012	Japan	181,408	37.70	Undisclosed	DD/SS 04/2027
KM Osaka	2012	Japan	180,652	34.80	Chinese	DD/SS 01/2027
Golden Magnum	2009	Korea	179,788	28.70	Chinese	Scrubber fitted, DD 05/2027, SS 11/2029
Penelope Oldendorff	2010	China	114,861	16.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS passed 02-05/2025, next DD 02/2028, SS 05/2030
Patricia Oldendorff	2010	China	114,753	16.00		Scrubber fitted, SS passed 07/2025, next DD 10/2027, SS 07/2030
Magic Perseus	2013	Japan	82,158	15.60	Japanese	BBCB, DD/SS 09/2027
BW Matsuyama	2019	Tsuneishi Cebu, Philippines	81,810	31.00	Undisclosed	ME engine, DD 10/2027, SS 09/2029
Century Shanghai	2018	China	81,738	Undisclosed	Undisclosed	Auction sale, eco M/E, DD 10/2026, SS 11/2028
Seacon Shanghai	2019	China	80,811	26.70	Greek, Dexter Navigation	ME engine, DD 04/2027, SS 06/2029
Jag Aarati	2011	Korea	80,323	14.75	Undisclosed	DD/SS due 04/2026
Minoan Flame	1998	Japan	73,937	4.50	Undisclosed	Old sale, DD 10/2026, SS 03/2028

Ocean Jasmin	2019	China	63,465	28.50	Chinese	TC attached, eco M/E, DD 03/2027, SS 06/2029
Explorer Africa	2012	Japan	61,360	19.20	Undisclosed	DD/SS 04/2027
Starry Night	2022	NACKS, China	61,222	32.50	Greek	DD/SS 01/2027
Wariya Naree	2011	India	53,833	9.85	Undisclosed	<i>Old sale, corrected information,</i> DD/SS due 02/2026, M/E Wartsila
Sun Master	2011	Japan	50,714	15.50	Chinese	OHBS, DD/SS due 02/2026
Jiang Yuan Nan Jing	2003	NACKS, China	49,326	Undisclosed	Undisclosed	Auction sale, DD due 02/2026, SS 02/2028
Sepetiba Bay	2012	Samjin, China	35,036	11.50	Undisclosed	Log-fitted, DD passed 07/2025, next DD/SS 06/2027
Bulker Bee 30	2010	Korea	34,904	11.30	Undisclosed	Box-shaped, DD/SS freshly passed 10/2025, Dutch owners
Bass Strait	2006	Japan	33,520	8.60	Fu Yuan Marine	Old sale, log-fitted, DD/SS due 03/2026, HK-based owners

TANKERS

Atlantas	2010	Korea	321,300	70.00	Sinokor Maritime	Scrubber fitted, DD 02/2028, SS 05/2030
Achilleas	2010	Japan	297,863	70.00		Scrubber fitted, DD 11/2028, SS 11/2030
Oceanis	2011	Korea	320,780	68.50	Sinokor Maritime	Scrubber fitted, DD/SS due 04/2026
DHT Europe	2007	Korea	317,713	50.80	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS 02/2027
DHT China	2007	Korea	317,794	50.80		Scrubber fitted, DD/SS 05/2027
Daishan	2007	Korea	306,506	Undisclosed	Sinokor Maritime	FSO, DD/SS 06/2027
Hojo	2013	Japan	302,965			Scrubber fitted, DD 07/2026, SS 04/2028
Hirado	2011	Japan	302,550			Scrubber fitted, DD/SS 06/2026
Dia	2015	Korea	299,999			DD/SS freshly passed 12/2025, next DD 12/2028, SS 10/2030
Aegean	2016	Korea	299,011			DD/SS 09/2026
Antigone	2015	Korea	299,421	Sinokor Maritime	DD 10/2028, SS 09/2030	
Nissos Psara	2011	Japan	301,861		68.50	Scrubber fitted, DD/SS due 02/2026
Advantage Value	2009	China	297,557		56.00	Scrubber fitted, DD 12/2026, SS 01/2029
Front Dee	2015	Korea	299,999		Sinokor Maritime	DD 09/2028, SS 09/2030
Front Tay	2016	Korea	299,999			831.50
Front Spey	2016	Korea	299,533	DD/SS 05/2026		

Front Cloud	2016	Korea	299,446			DD/SSS 03/2026
Front Forth	2016	Korea	299,392			DD/SS 09/2026
Front Clyde	2016	Korea	299,320			DD/SS due 01/2026
Front Oтра	2016	Korea	299,047			DD/SS 06/2026
Front Osen	2016	Korea	298,991			DD/SS 08/2026
Desimi	2011	China	296,865	136.00	Sinokor Maritime	DD 11/2028, SS 05/2030
Solana	2010	China	296,681			Scrubber fitted, DD 05/2028, SS 05/2030
Nordic Sprinter	2005	Korea	159,089	25.00	Undisclosed	DD/SS passed 06/2025, next DD 06/2028, SS 03/2030
Nordic Luna	2004	Japan	150,037	25.00		DD 01/2028, SS 11/2029
Eclipse I	2006	Korea	158,933	33.00	Undisclosed	DD/SS 08/2026
Pelagic Tope	2008	China	76,578	13.85	Undisclosed	DD due 03/2026, SS 03/2028
Doric Pioneer	2013	Korea	51,565	29.50	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, electronic M/E, DD due 01/2026, SS 01/2028, Greek owners
Maritime Tranquility	2020	China	49,999	39.80	Greek	Scrubber fitted, chemical IMO II, zinc silicate coated (except slop tank epoxy phenolic coated), DD 10/2028, SS 10/2030
Maritime Comity	2020	China	49,997	39.80		Scrubber fitted, chemical IMO II, zinc silicate coated (except slop tank epoxy phenolic coated), DD 10/2028, SS 08/2030
Pigeon Point	2005	Japan	48,356	13.80	Chinese	Chemical IMO III, zinc silicate coated, DD 09/2026, SS 09/2028, Japanese owners
Maersk Kara	2008	China	38,396	12.00	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy coated, DD due 04/2026, SS 01/2028
New BL Ray	2013	China	10,746	7.20	Undisclosed	DD/SS 12/2027, Chinese owners
CONTAINER						
NB Jiangman H2872	2026	China	-	170.00	MSC	Resale, dely 11/2026, 14000 teu, 1500 reefers
Porto Kagio	2002	Japan	67,164	17.00	MSC	5908 teu, 500 reefers, DD/SS 07/2027
Porto Germenio	2002	Japan	67,009	17.00		5570 teu, 500 reefers, DD/SS 11/2026

Antwerp Bridge	2005	Korea	66,583			5043 teu, 550 reefers, DD 08/2028, SS 07/2030
Grace Bridge	2005	Korea	65,023	120.00	MSC	4738 teu, 400 reefers, scrubber fitted, DD 04/2028, SS 01/2030
Beijing Bridge	2005	Korea	65,002			4738 teu, 400 reefers, DD 03/2028, SS 01/2030
Lisa	2009	China	49,994	23.00	MSC	Bss fw dely 2028, 4249 teu, 698 reefers, scrubber fitted, DD 03/2028, SS 09/2029
Boat Blessing	1997	Poland	22,420	8.60	Undisclosed	1684 teu, 160 reefers, ice class II, DD/SS 11/2027
Titan	1996	Germany	14,587	5.50	Undisclosed	1122 teu, 150 reefers, ice strengthened, DD/SS 08/2026
Contship Ono	2007	China	13,803			1080 teu, 220 reefers, CR 2X45T, ice class II, DD/SS 01/2027
Contship Ray	2008	China	13,760	34.00	Medcon Lines	1118 teu, 220 reefers, CR 2X45T, ice class II, DD 06/2026, SS 07/2028
Contship Vie	2007	China	13,699			1118 teu, 220 reefers, CR 2X45T, ice class II, DD due 02/2026, SS 10/2027
OTHERS						
Navigare Generosa	2015	Korea	54,564	80.00	Gesco	LPG, 82441cbm, Incl TC to Exxon at USD1,1m per month until 02/2027, DD 11/2028, SS 11/2030
Jag Vishnu	2002	Japan	49,996	42.00	Undisclosed	LPG, 77747 cbm, DD/SS 12/2026

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	12/2025	1M	3M	6M	12M		

CAPE SIZE

180k dwt	Resale	78.00	0%	3%	3%	3%	61.50
180k dwt	5 tuổi	65.00	2%	6%	5%	6%	45.75
170k dwt	10 tuổi	50.0/50	1%	9%	12%	17%	32.50
150k dwt	15 tuổi	29.50	4%	11%	9%	11%	20.50

PANAMAX

82k dwt	Resale	40.00	1%	3%	4%	0%	37.00
82k dwt	5 tuổi	34.00	5%	6%	8%	-1%	30.50
76k dwt	10 tuổi	26.50	2%	6%	9%	6%	21.50

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	12/2025	1M	3M	6M	12M		

VLCC

310k dwt	Resale	148.00	0%	1%	2%	-1%	116.00
310k dwt	5 tuổi	118.00	0%	1%	3%	2%	88.75
250k dwt	10 tuổi	88.00	0%	1%	4%	2%	63.75
250k dwt	15 tuổi	59.00	0%	2%	2%	7%	45.00

SUEZMAX

160k dwt	Resale	97.50	0%	5%	4%	-1%	79.50
150k dwt	5 tuổi	80.00	0%	5%	4%	3%	61.75
150k dwt	10 tuổi	64.00	0%	5%	3%	3%	46.25

74k dwt	15 tuổi	17.00	3%	6%	11%	8%	14.25	150k dwt	15 tuổi	42.00	0%	5%	2%	-9%	30.00
SUPRAMAX								AFRAMAX							
62k dwt	Resale	39.00	1%	3%	3%	0%	35.00	110k dwt	Resale	80.00	3%	7%	7%	-5%	66.00
58k dwt	5 tuổi	34.00	6%	7%	11%	3%	26.50	110k dwt	5 tuổi	67.50	4%	8%	8%	-1%	52.25
56k dwt	10 tuổi	26.50	13%	13%	15%	12%	19.25	105k dwt	10 tuổi	55.00	5%	10%	10%	4%	39.00
52k dwt	15 tuổi	15.75	0%	2%	5%	3%	13.00	105k dwt	15 tuổi	36.00	3%	6%	6%	-4%	25.75
HANDYSIZE								MR							
37k dwt	Resale	33.00	0%	0%	0%	-4%	29.25	52k dwt	Resale	53.00	0%	2%	6%	-4%	45.00
37k dwt	5 tuổi	26.50	0%	0%	6%	-1%	23.00	52k dwt	5 tuổi	43.00	0%	2%	8%	-4%	35.75
32k dwt	10 tuổi	20.25	-1%	-1%	11%	5%	15.50	45k dwt	10 tuổi	33.00	3%	3%	10%	-6%	26.00
28k dwt	15 tuổi	11.75	-2%	-2%	-2%	-2%	9.75	45k dwt	15 tuổi	19.00	14%	14%	14%	-9%	17.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	200,000 cbm	260.00	4+4	Hyundai H.I.	NYK and Ocean Yield	FH 2029	Price per unit
LNG	180,000 cbm	256.40	2	Samsung	Purus Marine, Singapore	Q1 2029	Price per unit
LNG	174,000 cbm	-	3	Hudong-Zhonghua	Bonny Gas Transport, Nigeria	2029	
LNG	174,000 cbm	256.50	3	Hyundai Samho	Capital Clean Energies	2028 (1), 2029 (2)	Price per unit
LNG	174,000 cbm	249.50	2	Samsung	Seapeak	Sep 2028	Price per unit
VLAC	90,000 cbm	-	2	Jiangnan	Eastern Pacific	FH 2028	
Liquefied Hydrogen Carrier	40,000 cbm	-	1	Kawasaki H.I.	Japan Suiso Energy	2030	
Tanker	115,000 dwt	72.00	2	DSIC subsidiary Shanhaiguan Shipyard	Mercuria, Swiss	2028	Price per unit
Tanker	40,000 dwt	43.20	2	GSI China	D'Amico	Mid 2029	Price per unit
Bulker	211,000 dwt	77.50	2+2	Nantong Xiangyu Shipbuilding	Mercuria Energy	2028	Price per unit
Bulker	64,500 dwt	-	2	Wuhu, China	Aqmaris, Turkey	-	
Bulker	64,000 dwt	39.30-43.40	4	Oshima (2), Imabari (2)	Kuang Ming	2028	Price per unit
Bulker	40,000 dwt	29.80	4	Jiangmen Nanyang	Pacific Basin	FH 2028	Price per unit
MPP	60,800 dwt	-	6+4	Taizhou SanfU	Chipolbrook	From Nov 2027	Open hatch heavy lift carriers equipped with 3200T lifting capacity cranes
MPP	40,000 dwt	53.00	4	Chengxi	COSCO Shipping Specialised Carriers	Jun 2028-Feb 2029	Price per unit
Container	6,000 teu	-	4	Hengli Shipbuiding	XT Shipping, Isreal	-	

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	12/ 2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	71.5	0.00%	0.00%	0.00%	-5.92%
Panamax (77.000 dwt)	36.5	0.00%	0.00%	-1.35%	-2.01%
Supramax (61.000 dwt)	33.5	0.00%	0.00%	-1.47%	-3.60%
Handysize (37.000 dwt)	29.5	0.00%	0.00%	-1.67%	-3.28%

Giá trị tàu dầu đầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	12/ 2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.00%	0.00%	-2.66%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	0.00%	-0.58%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	0.00%	0.00%	-3.27%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	-0.00%	0.00%	-4.59%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

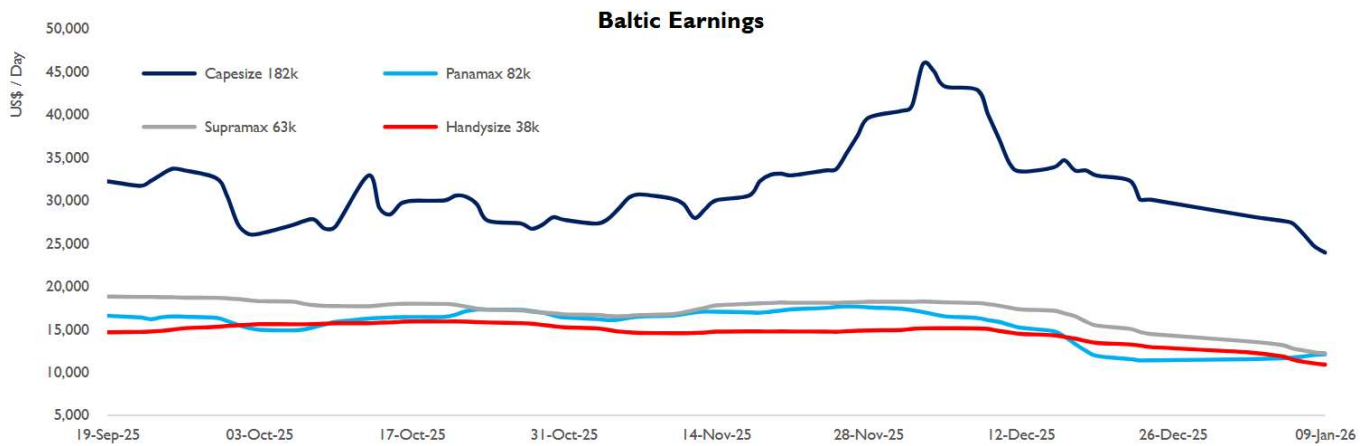
Chỉ số cước trung bình phần khúc **Supramax** tuần qua đóng cửa tuần này ở mức 12.223 đô la Mỹ, giảm 1.378 đô la Mỹ so với mức 13,601 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường tiếp tục duy trì trạng thái “phòng thủ” xuyên suốt tuần qua, khi sự trở lại sau kỳ nghỉ đã không thể tạo ra bất kỳ sự cải thiện đáng kể nào về tâm lý thị trường hay hoạt động giao dịch. Trên cả hai khu vực Đại Tây Dương và Thái Bình Dương, các chủ tàu phải chịu áp lực liên tục trước tình trạng dư thừa lượng tàu chờ sẵn có, trong khi khả năng chốt hợp đồng không mấy khả quan. Mặc dù xuất hiện một vài nhu cầu hỏi thuê tàu nhỏ lẻ, đặc biệt là từ khu vực Vịnh Hoa Kỳ, nhưng thị trường vẫn thiếu lực đỡ cần thiết để ổn định giá cước, và tình trạng sụt giảm thêm đã được ghi nhận trên diện rộng.

Chỉ số cước trung bình phần khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 10.897 đô la Mỹ, giảm 1.495 đô la Mỹ so với mức 12.392 đô la Mỹ của tuần trước. Khu vực Continent và Địa Trung Hải đã có một khởi đầu năm mới sôi động, tuy nhiên lượng tàu dư thừa tích tụ từ giai đoạn Giáng sinh và Năm mới đã giữ giá cước ở mức dưới 10.000 đô la Mỹ cho hầu hết các tuyến từ Continent; riêng các chuyến chở hàng rời đi Tây Phi đạt mức khoảng 11.000-12.000 đô la Mỹ. Tâm lý thị trường tại khu vực Vịnh Hoa Kỳ duy trì ổn định, nhờ vào sự gia tăng khiêm tốn của các yêu cầu thuê tàu và những dấu hiệu sớm cho thấy nguồn cung tàu sẵn có đang thắt chặt lại. Các chủ tàu đang đặt kỳ vọng mức cước 14.000-15.000 đô la Mỹ cho các chuyến hàng vượt Đại Tây Dương đến khu vực Continent-Địa Trung Hải. Bờ Đông Nam Mỹ có thể coi là thị trường mạnh nhất ở Đại Tây Dương với lượng hàng mới dồi dào; giá cước các tuyến vượt Đại Tây Dương đến khu vực Continent-Địa Trung Hải khoảng 16.000-17.000 đô la Mỹ. Ngược lại, thị trường tại Thái Bình Dương vẫn khá trầm lắng với các mức giá chào thuê thấp hơn so với mức đã chốt trước đó. Mặc dù xuất hiện một số điểm sáng về nhu cầu mới trên khắp châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á, nhưng danh sách tàu trống quá dài đang vượt xa nhu cầu, khiến giá cước bị kìm giữ ở mức thấp. Một số chủ tàu thậm chí đã sẵn sàng chấp nhận các ngày chờ để cạnh tranh giành lấy lượng hàng hóa hạn chế hiện có trên thị trường.

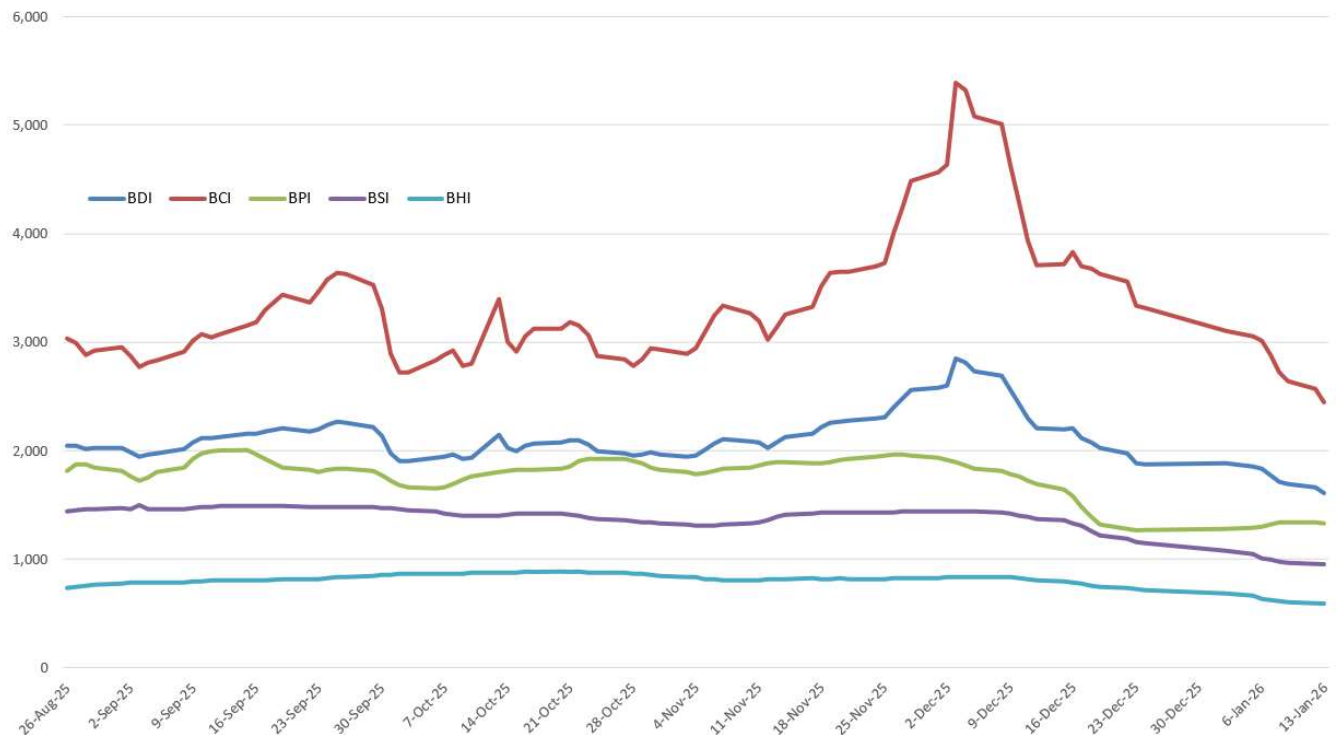
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 12/01/2026

	US\$/ngày	
SUPRAMAX	10.189 ▼	1.378 ▲
HANDIES 38K	10.897 ▼	1.432

(so sánh với giá trị ngày 05/01/2026)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 58,03 đô la Mỹ/thùng – tăng 0,47 % so với phiên giao dịch trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 62,29 đô la Mỹ/thùng – tăng 0,48%. Những bất ổn tại Iran, cùng lo ngại xung đột Nga - Ukraine lan rộng ảnh hưởng tới xuất khẩu dầu của Nga, đã làm gia tăng mối quan ngại về nguồn cung. Trong khi đó, Nhà Trắng dự kiến gặp các công ty dầu mỏ và tập đoàn thương mại lớn để thảo luận các thỏa thuận xuất khẩu dầu Venezuela. Bên cạnh đó, Tổng thống Trump mới đây đã mô tả thỏa thuận dầu mỏ mới sâu rộng với Venezuela là cơ hội có một không hai cho các công ty năng lượng của Mỹ và nền kinh tế Mỹ. Theo báo cáo, sản lượng dầu thô của Nga đã giảm xuống còn 9,326 triệu thùng (bpd) trong tháng 12, giảm hơn 100.000 bpd so với tháng 11 và thấp hơn gần 250.000 bpd so với hạn ngạch OPEC+ của Moscow.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC

Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông đang ghi nhận trường hợp các chủ tàu đang kiên quyết giữ vững cước và không chấp nhận mức giảm sâu thêm khi cước đã gần đến mức OPEX. Điều này cho thấy thị trường đã hình thành mức cước ổn định mới ở thời điểm hiện tại. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Trung Đông/Trung Quốc tăng khoảng 24 điểm so với tuần trước đó và đang được ký kết ở mức WS 74. Mặc dù thị trường phía Đông có thể phục hồi chậm do tình trạng dư thừa tàu vẫn hiện hữu, nhưng lô hàng cuối tháng 1 được kỳ vọng sẽ hỗ trợ cho tình hình hiện tại.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Trung Đông/Trung Quốc	38.690	59.536	↑
USG/Trung Quốc	61.296	63.480	↑

Phân khúc tàu Suezmax

Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax bước vào đầu năm mới với xu hướng ảm đạm rõ rệt. Cước trên các tuyến chính ghi nhận mức giảm đáng kể, trong đó tuyến Tây Phi/UKC đã giảm về khoảng 60.350 đô la Mỹ/ngày, còn tuyến CPC/Augusta đã giảm 12 điểm, chốt ở mức WS 155. Dù cước hiện tại có dấu hiệu giảm, song các chủ tàu vẫn kỳ vọng căng thẳng địa chính trị leo thang sẽ cải thiện tâm lý thị trường và hỗ trợ việc giành lại các lô hàng đã mất trong thời gian quan.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Tây Phi / Cont	60.327	57.352	↓
Guyana / UKC	58.964	58.574	↓

Phân khúc tàu Aframax

Phân khúc tàu Aframax tiếp tục chịu áp lực giảm trên hầu hết các tuyến chính. Ghi nhận, cước trên tuyến USG/UKC giảm về quanh mức 55.000 đô la Mỹ/ngày, chốt ở mức WS 221, trong khi chuyển Caribbean/USG lùi xuống mức khoảng 59.200 đô la Mỹ/ngày. Trong ngắn hạn, triển vọng cho thấy khả năng điều chỉnh nhẹ do hoạt động thị trường trầm lắng vào giữa tháng 1. Tuy nhiên, thị trường Mỹ được kỳ vọng sẽ hấp thụ bớt lượng tàu dư thừa, qua đó góp phần ổn định tâm lý chung.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	89.813	56.863	↓
Med / Med	42.075	49.092	↑
USG / Cont	55.044	61.327	↑
EC Mex / USG	63.373	72.485	↑

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

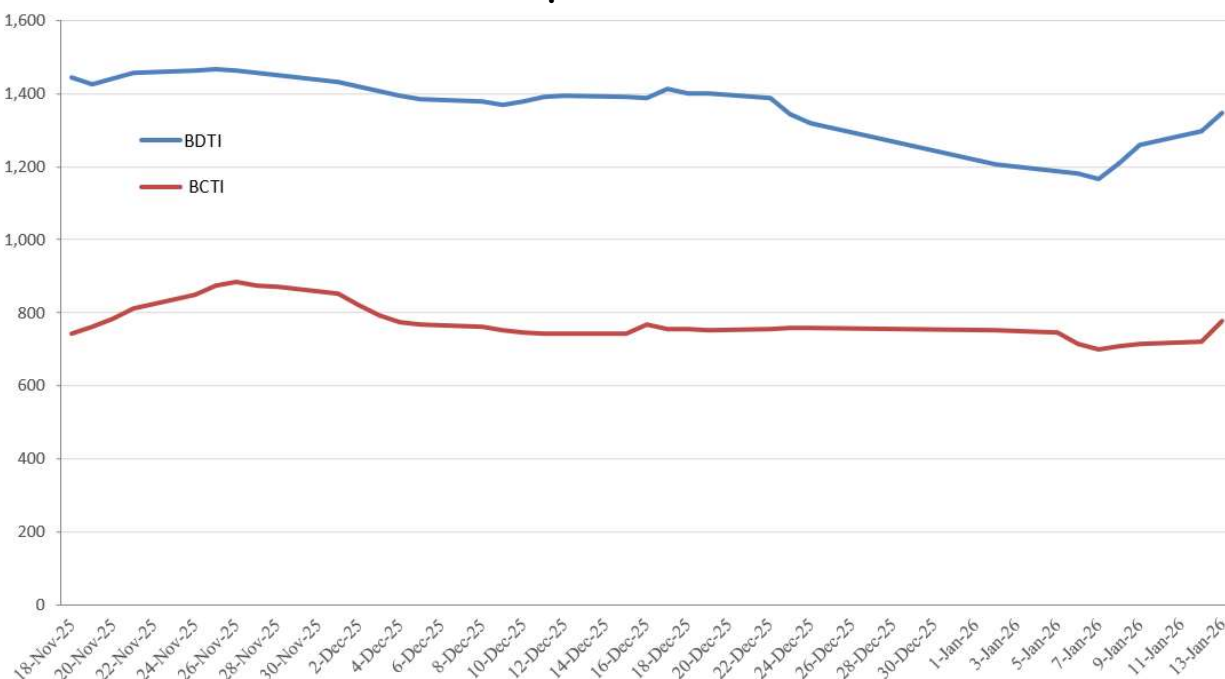
Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường tàu MR ghi nhận hoạt động khá sôi nổi tại khu vực Tây Bắc Âu. Bên cạnh đó, nguồn tàu liên tục thất chặt trong suốt tuần do nhu cầu gia tăng cho các tuyến đi đến Tây Phi. Theo báo cáo, cước trên tuyến Cont / USAC đã được ký kết và lặp lại nhiều lần ở mức WS 110, tuy nhiên nhiều hợp đồng mới nhất đang được thỏa thuận ở mức WS 115. Mức chênh lệch cho các chuyến đi Tây Phi hiện ở mức WS +55, với các hợp đồng mới nhất đang được thỏa thuận ở mức WS 170. Trong bối cảnh cước cho tuyến USG / UKC tăng mạnh lên WS 190, các chủ tàu có xu hướng chạy tàu rỗng sang khu vực TA nhằm tận dụng thị trường ổn định hơn. Danh sách tàu vẫn duy trì tình trạng khan hiếm vào thời điểm cuối tuần và mức chênh lệch cho tuyến Tây Phi được kỳ vọng sẽ tiếp diễn sang tuần tới. Tại khu vực Địa Trung Hải, thị trường khởi động đầu tuần khá trầm lắng do chưa hoàn toàn quay lại quỹ đạo sau kỳ nghỉ lễ dài. Cước tiếp tục chịu áp lực giảm, với các thỏa thuận ban đầu thử nghiệm thị trường kéo mặt bằng cước xuống 15 điểm – còn WS 125 cho tuyến Med / TA. Tuy nhiên về thời điểm cuối tuần, có sự cải thiện cả trong và ngoài phân khúc, giúp cước ổn định trở lại mức WS 130 cho tuyến TA và WS 150 cho tuyến Med/Tây Phi.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Sau giai đoạn kết thúc năm 2025 khả khởi sắc đối với các tuyến từ khu vực USG, trong tuần này nhiều tuyến từ Houston ghi nhận mức cước giảm. Theo ghi nhận, cước trên tuyến đi Rotterdam và Santos đã giảm khoảng 2 – 7 đô la Mỹ/tấn, do danh sách tàu chở ghép vẫn còn trống cao cho các đơn hàng vào cuối tháng 1 và nửa đầu tháng 2. Cước từ khu vực Al Jubail trong tuần này giữ nguyên do hoạt động hạn chế. Song song đó, các cuộc biểu tình leo thang tại Iran đã tạo ra nhiều thảo luận trên thị trường. Qua đó, cước trên tuyến Singapore / Rotterdam cho các lô hàng 1.000 tấn tăng 5 đô la Mỹ/tấn, do thiếu hụt tàu chở ghép vào khu vực ARA và thị trường CPP tại châu Á nhìn chung ổn định. Thị trường dầu đậu nành từ Argentina đi Ấn Độ giảm nhẹ 1 đô la Mỹ/tấn trong tuần, phản ánh các hợp đồng mới nhất vừa được chốt.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 02/2026			Giá thuê tàu định hạn tuần 01/2026		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	57,000	50,000	44,000	59,000	48,000	44,000
SUEZMAX	42,500	34,500	32,000	43,000	34,500	32,000
AFRAMAX	37,000	31,500	28,500	37,000	31,000	28,500
LR-2	38,000	31,500	29,000	38,500	32,000	29,000
LR-1	24,500	24,000	22,000	25,000	23,000	21,500
MR	22,500	21,500	20,000	22,500	21,000	19,000
HANDY	20,000	19,000	17,500	20,000	18,000	16,500

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời			Tàu dầu			Tàu container		
		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲	
1	Pakistan	390	▼	10	410	▼	10	420	▼	10
2	Bangladesh	400	▼	10	420	▼	10	430	▼	10
3	India	380			400			410		
4	Turkey	270			280			290		

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 01&02/2026

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	DWT	Comments
Sirrah	Bulker	1999	8,563	India	405.00 net	47,263	Incl abt 200mt bunkers,
Dimple	Bulker	1992	4,866	India	387.50	13,770	
Saltlake	Reefer	1985	2,100	India	380.00	4,269	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*